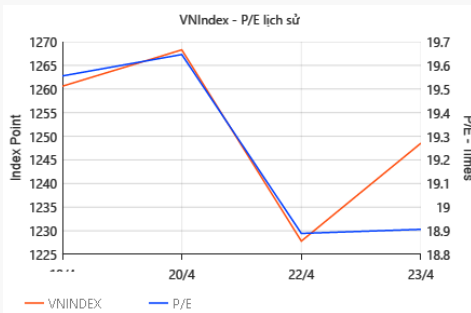
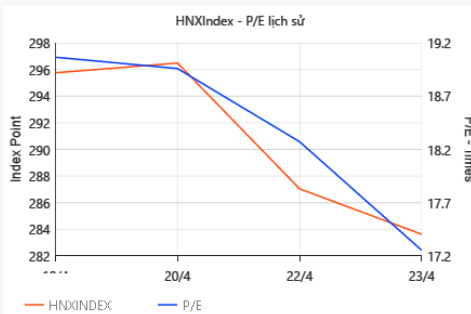


VN-INDEX



Điểm số	1,248.53
Tuần qua (WoW)	0.79%
Từ đầu năm (YTD)	13.10%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-16.11%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-2.47%
P/E	18.91
P/B	2.62

HNX-INDEX



Điểm số	283.63
Tuần qua (WoW)	-3.23%
Từ đầu năm (YTD)	39.64%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-18.60%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-13.19%
P/E	17.25
P/B	1.71

Bộ phận Chiến lược đầu tư

XU HƯỚNG TĂNG CHUNG VẪN DUY TRÌ

Mức biến động trong 2 ngày giao dịch cuối tuần vừa qua là một thử thách với nhà đầu tư, đặc biệt khi thị trường đã vượt qua vùng giá lịch sử và sắp đi vào vùng trống thông tin sau giai đoạn đại hội cổ đông. Những phiên điều chỉnh mạnh nhằm luân chuyển dòng tiền sẽ tiếp tục xuất hiện. Do vậy, nhà đầu tư cần phân bổ vốn ưu tiên kỳ đầu tư dài hạn, tỷ trọng cổ phiếu và đòn bẩy không nên ở mức quá cao để danh mục có thể sẵn sàng chống chịu với những phiên biến động mạnh. Nhìn chung, chúng tôi vẫn đánh giá cao kịch bản xu hướng tăng chung nên cả hoạt động mua tích lũy lẫn giao dịch đều vẫn đang phù hợp nhưng luôn ưu tiên tìm điểm vào ở vùng giá thấp, tránh cuốn theo tâm lý hưng phấn trong một số ngày tăng điểm mạnh.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ IVS

Danh mục Giao dịch: TIG đã đạt giá mục tiêu khuyến nghị là 15,000, tương ứng với mức lợi nhuận 61.3% kể từ ngày khuyến nghị 05/03/2021. Ngoài ra, PVD, FCN, CEO, BCG được đưa vào danh sách theo dõi đặc biệt để xem xét chờ đợi điểm đóng lợi thế tốt hơn hoặc kỳ vọng sự trở lại của đà tăng. **Danh mục Năm giữ:** Bổ sung SZC thuộc ngành BĐS Khu Công nghiệp vào danh mục với upside kỳ vọng 14.7%. **Danh mục theo dõi:** VTP, HPG, NKG.

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Thị trường chung có tuần biến động lên xuống với diễn biến chốt tuần là tăng điểm, hồi phục trở lại sau ngày giảm mạnh liền trước. Kịch bản cơ sở tiếp tục duy trì tích cực và khả năng với diễn biến như vậy thì giai đoạn rung lắc hiện tại có thể chấm dứt. Các vị thế có lãi có thể tiếp tục được nắm giữ, các vị thế bất lợi cũng có thể được xem xét chờ đợi điểm đóng lợi thế hơn hoặc kỳ vọng sự trở lại của đà tăng. Việc mở mới vị thế cần cân nhắc tỷ trọng cổ phiếu/tiền mặt cụ thể cũng như những vị thế đang nắm giữ.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ IVS
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
SZC	23/04/21	1	35,750	Tăng tỷ trọng	41,000	14.7%	-	-	-
HAH	02/04/21	1	24,650	Mua vào	29,800	20.9%	26.5%	-	-4.5%
DHC*	30/10/20	1	45,300	Giảm tỷ trọng	50,700	17.1%	-	80.5%	111.3%
VHM*	16/11/20	1	76,600	Nắm giữ	88,315	15.3%	-	18.9%	37.1%
ACB	05/02/21	2	28,500	Mua vào	36,350	27.5%	8.8%	-	48.4%
VPB*	05/02/21	2	37,000	Nắm giữ	40,000	8.1%	-	27.5%	123.7%
MBB*	05/02/21	2	24,750	Nắm giữ	27,000	9.1%	-	12.2%	77.3%
VIB*	05/02/21	1	35,400	Mua vào	45,000	27.1%	-	18.4%	50.6%
TPB	05/02/21	1	26,700	Mua vào	34,500	29.2%	23.2%	-	4.9%
MWG	31/07/20	2	128,500	Nắm giữ	154,500	67.4%	4.7%	-	100.8%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	15.0%	-	11.6%	88.2%
SBT	08/02/20	2	20,500	Nắm giữ	24,000	16.8%	17.6%	-	10.3%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua vào	54,000	45.2%	34.0%	-	8.3%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk: Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
DIG	08/04/21	30,000 - 31,000	47,000	27100	1:4	-9.7%
GMD	07/04/21	35,000 - 36,200	55,000	32,700	1:5	-7.5%
STB	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	6.9%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	-8.4%
VIC*	26/03/21	109,000-114,000	145,000	107,000	1:4.5	21.3%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	5.6%
GEG	08/03/21	18,000 - 19,200	28,000	16,800	1:4	-6.3%
TIG*	05/03/21	8,300 - 9,300	15,000	8,000	1:4.5	54.8%
GAS	17/02/21	83,000 - 86,500	120,000	76,700	1:3.5	-0.6%
CNG	17/02/21	21,900 - 23,000	31,500	20,600	1:3.5	-3.0%
CCL	17/02/21	11,000 - 12,000	19,000	9,700	1:3	13.3%
SAM	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200	1:5	-11.6%
LAF	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	8.3%
VSH	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	-3.1%
MSR	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	-1.9%
SFI	09/12/20	30,700 - 32,500	48,000	29,200	1:5	13.1%
SGP*	01/12/20	10,500 - 11,000	18,500	9,500	1:5	51.8%
PGV	23/11/20	15,000 - 16,000	25,500	13,700	1:4	6.3%
CKG*	19/11/20	10,700 - 11,200	14,300	10,300	1:3.5	60.2%
DRI*	20/10/20	5,000 - 5,500	10,500	4,200	1:4	78.2%

Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ
BCG	12/04/21	14,900 – 15,500	21,500	13,600
CEO	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900
FCN	08/03/21	14,000 – 15,000	22,000	13,400
PVD	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Ở thời điểm hiện tại, Nhà đầu tư đã có thể cân nhắc về việc đưa tỷ trọng cổ phiếu về vùng an toàn đối với từng cá nhân mỗi người (có thể là khoảng 50-70% với người thận trọng, hạ margin đối với nhà đầu tư có sức chịu đựng rủi ro cao) với sức mua để sẵn để có thể giải ngân lại trong thời gian sắp tới sau khi (i) có được sự cập nhật về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong đại hội cổ đông và với báo cáo quý 1; (ii) chờ đợi điểm mua tại vùng giá thấp sau khi cổ phiếu có sự tích lũy.

DANH MỤC THEO DÕI

Trong mùa đại hội cổ đông hiện tại nhiều doanh nghiệp tiếp tục cho thấy sức tăng trưởng tốt và duy trì kỳ vọng tích cực vào thị trường trong năm 2021. Trong đó nhóm Thép đang là nhóm doanh nghiệp sản xuất hiện được hưởng lợi rất lớn từ sức cầu tăng mạnh không chỉ trong nước mà cả quốc tế. Nhu cầu hiện tại sẽ có thể tiếp tục kéo dài đến cuối quý 3 thay vì quý 2 như một số dự báo từ hiệp hội thép Việt Nam (VSA). Trong nhóm, HPG là doanh nghiệp đầu ngành với năng lực sản xuất vượt trội với sản phẩm HRC, hiện đang tiếp tục gia tăng thị phần trong nước trong khi NKG là doanh nghiệp có ưu thế xuất khẩu tới các thị trường Châu Âu và Mỹ. Quý 1 vừa qua kết quả kinh doanh của cả 2 doanh nghiệp này đều đạt được kỷ lục, tiếp nối mức tăng trưởng mạnh trong 2020. Mặc dù vậy, kết quả tích cực đã được phản ánh tương đối vào giá cổ phiếu, việc chờ đợi điểm mua phù hợp sau khi cổ phiếu có sự tích lũy sẽ là cần thiết.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong một tuần thị trường giằng co, ảnh hưởng của các cổ phiếu lớn tới VN-Index cũng tương đối cân bằng. Trong khi VCB, VHM hỗ trợ cộng điểm cho thị trường thì VIC, GVR là các mã lấy điểm chính.

Dòng tiền nhà đầu tư cá nhân đang trở nên thận trọng khi giảm mức độ giao dịch cả về giá trị tuyệt đối lẫn tỷ trọng trong thanh khoản thị trường. Ngược lại, trong 2 phiên cuối tuần trước, nhóm tổ chức nước ngoài đã dần tăng tỷ trọng và theo chúng tôi đây có thể là hoạt động giải ngân của ETF Fubon (Đài Loan). Mặc dù vậy, bức tranh chung của khối ngoại vẫn đang là rút ròng.

Đối với nhóm tự doanh của các công ty chứng khoán, bên cạnh hoạt động giao dịch nhằm quản trị rủi ro cho việc phát hành phái sinh, có một lệnh mua VGC đáng chú ý với giá tị khoảng 237.6 tỷ đồng.

THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU

Diễn biến giằng co tại vùng đỉnh đang là diễn biến chung của các thị trường cổ phiếu toàn cầu, ngoại trừ các thị trường Trung quốc trong tuần qua. Lợi suất đầu tư (đảo ngược của PE) của nhóm các thị trường Trung quốc và Hongkong cũng đã ở nhóm đầu, ngang bằng với các chỉ số của thị trường Việt Nam. Trong khi đó, thị trường Mỹ đang chịu áp lực từ động thái tăng thuế đối với lợi nhuận từ vốn của chính phủ Biden nhằm tạo nguồn tiền cho hoạt động đầu tư công. Để tránh tác động của sắc thuế mới, động thái chốt lời sớm đã xuất hiện tại đây.

VNINDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 0.8%, mức tăng nhỏ, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa tuần một chút và có khoảng cách đáng kể đến cả mức thấp nhất cũng như cao nhất tuần. Về diễn biến cụ thể trong tuần, sau ngày thứ hai đầu tuần tăng tích cực, thị

trường tiếp tục có ngày thứ ba tăng điểm nhẹ nhưng mức đóng cửa lại thấp hơn nhiều so với mức cao nhất ngày, và đến ngày thứ năm thì áp lực trở nên rất mạnh khi VNINDEX cùng rất nhiều cổ phiếu khác giảm sâu. Tuy nhiên, khi trở về đúng vùng hỗ trợ đáng tin cậy 1,220 – 1,230, chỉ số chung đã có ngày thứ sáu cuối tuần bật tăng trở lại.

Với biên độ giảm lớn trong ngày thứ năm (biên độ dao động lớn hơn rất nhiều ngày liền trước) nhưng ngay lập tức sau đó bật tăng cũng mạnh trở lại trong ngày thứ sáu cuối tuần, thị trường cho thấy khả năng đã thực hiện xong sự rũ bỏ cần thiết và có thể sẽ chấm dứt giai đoạn rung lắc trong ba tuần gần nhất để trở lại xu hướng tăng.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,070
	1,120 – 1,130
	1,150 – 1,160
	1,200
Kháng cự	1,300 – 1,350

TIÊU ĐIỂM- NEWS FOCUS

CTCP FPT – FPT VN

CTCP FPT công bố kết quả kinh doanh quý 1/2021 với doanh thu 7.586 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 1.397 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 14,4% và 22,3%. Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 22,8%, lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng trưởng 20,8%.

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – VCB VN

Tại phiên họp thường niên 2021, Chủ tịch HĐQT Vietcombank (HoSE: VCB), ông Nghiêm Xuân Thành, cho biết lợi nhuận trước thuế quý I ước đạt trên 8.000 tỷ đồng, gồm phí trả trước từ hợp đồng bancassurance, tăng 70% so với cùng kỳ năm trước. Tín dụng tăng 3,7%ytd.

Trong năm 2021, ngân hàng ước tính sẽ ghi nhận khoản phí trả trước từ FWD 1.700 tỷ đồng và thu phí hoa hồng từ hợp tác bancassurance 1.100 tỷ đồng.

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng số KN	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
ACB*	28/9/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	5/2/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/9/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	5/2/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/9/20	1 / 2	17,087	20,000	17.0%	44.8%	5/2/21	27,000	+35.0%
SBT*	2/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	8/2/21	24,000	+8.1%
MWG*	31/7/20	1 / 2	73,470	123,000	67.4%	74.9%	8/2/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/7/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	8/2/21	86,000	+15.9%

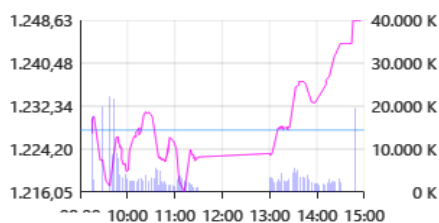
(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

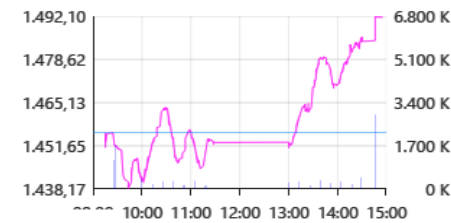
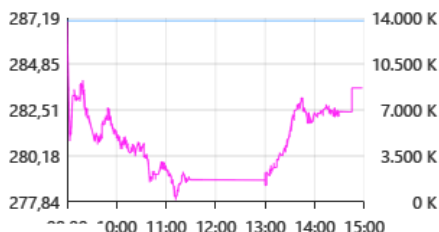
Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

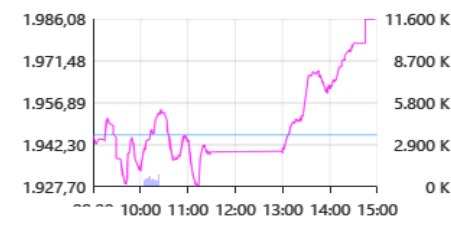
Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA
BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN

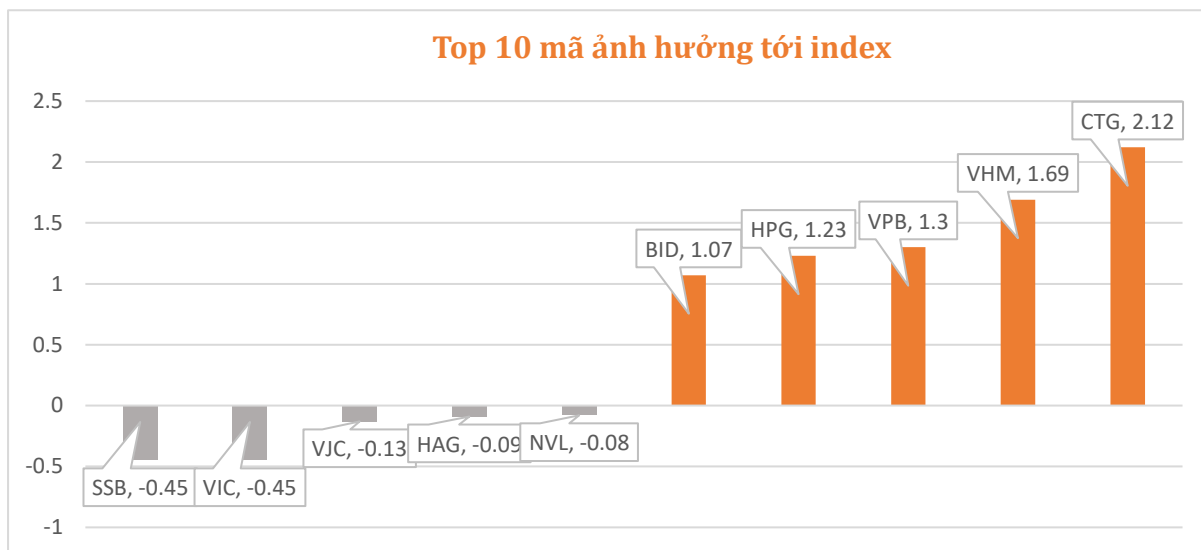
Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1248.53	+1.69%	+20.71	716.52	20089.9	305	44	115
Vn30 - Index	1301.39	+2.35%	+29.86	257.30	12445.1	26	1	3
Vn - Mid	1491.74	+2.47%	+35.91	207.01	3781.6	54	10	6
HNX - Index	283.63	-1.19%	-3.41	138.89	2389.1	136	47	82
Upcom - Index	80.40	+0.82%	+0.65	113.76	912.0	177	75	166
VNX-ALL	1985.98	+2.08%	+40.48	726.71	20542.6	273	51	94

BIẾN ĐỘNG TRONG PHIÊN
VN-INDEX

VN30

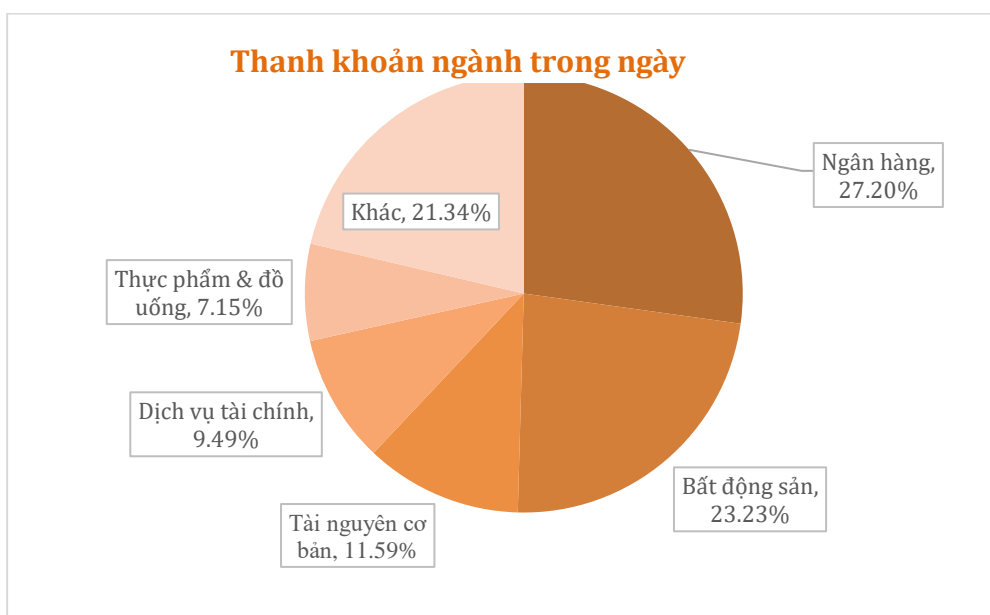
VN-MID

HNX-INDEX

UPCOM

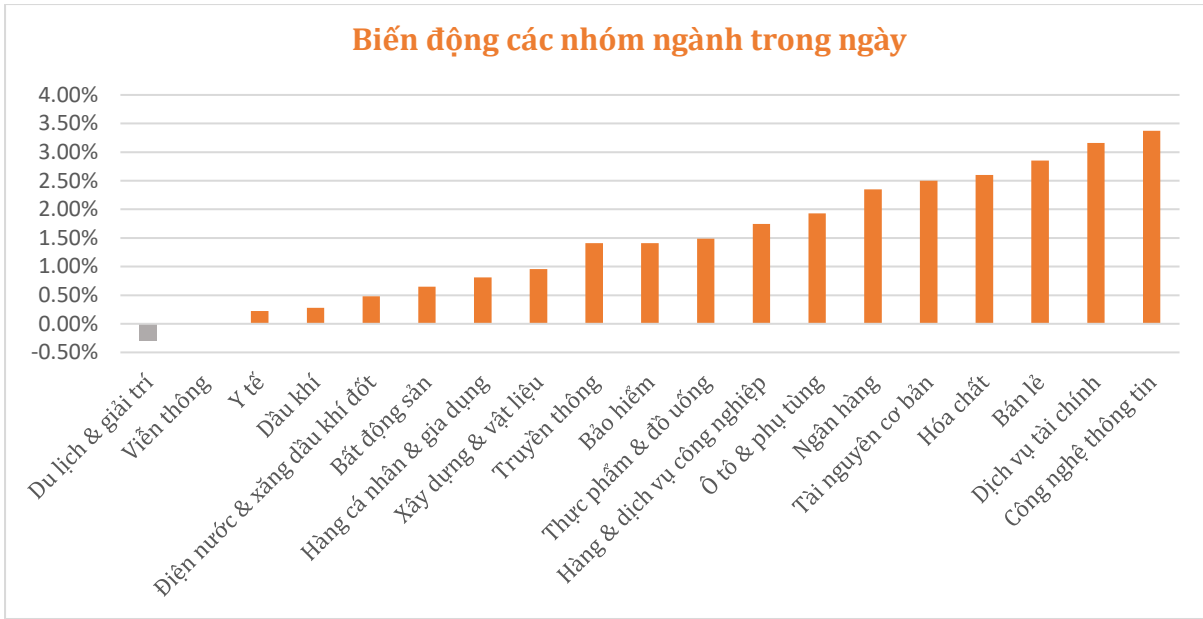
VNX-ALL

THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	20,089.97	-2.78%	716.52	-6.99%
HNX	2389.12	-35.95%	138.90	-23.03%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
STB	45.23	HPG	1583.3	DHM	490.1%	KLF	+9.8%	ACM	-8.3%
ROS	32.74	STB	980.34	KDH	219.1%	MST	+9.3%	DLG	-6.8%
HPG	28.49	VHM	912.87	VIX	210.5%	MBS	+8.9%	HAG	-6.8%
ITA	22.95	VPB	883.93	VPB	199.5%	NDN	+8.0%	THD	-5.2%
LPB	21.14	CTG	698.97	MWG	198.5%	MBG	+7.8%	SSB	-5.1%

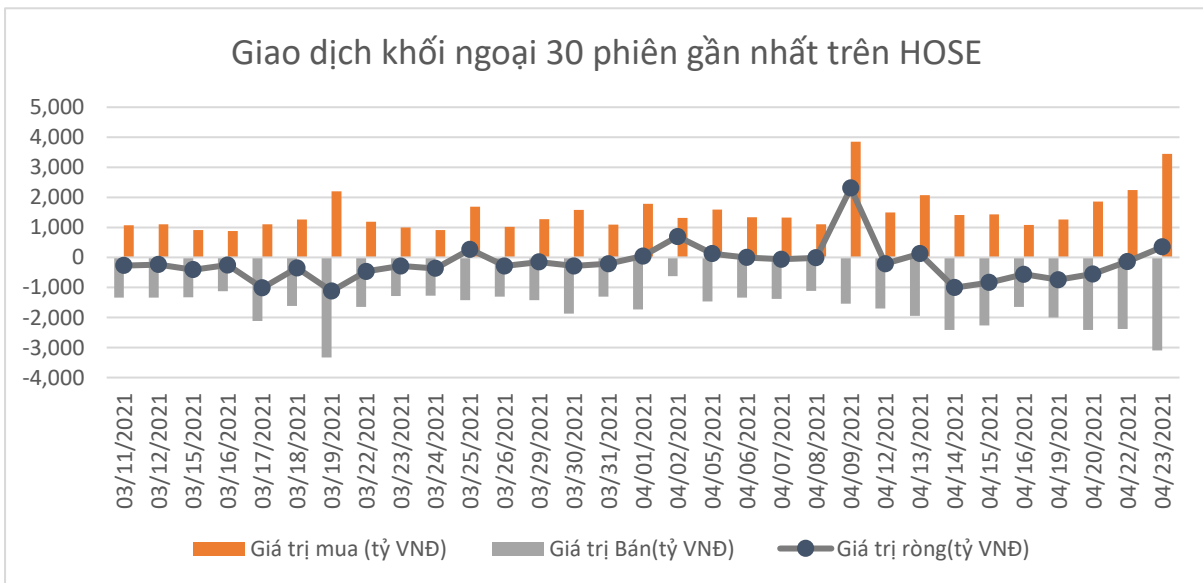
NHÓM NGÀNH




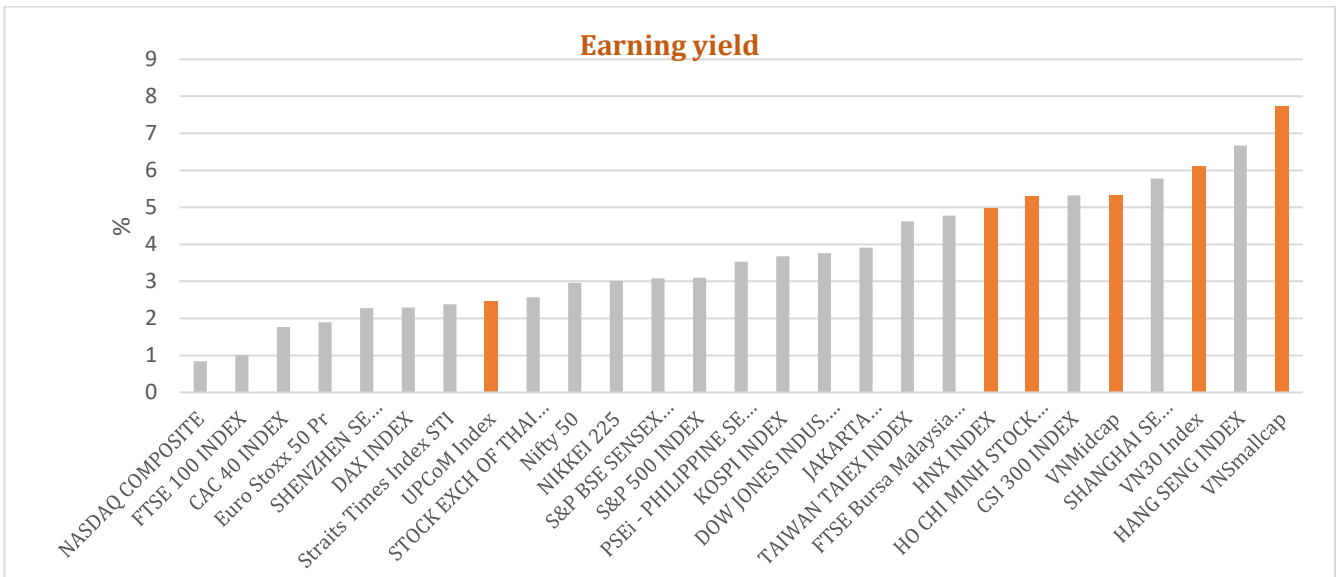
GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE mua ròng 350.56 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 5.45 tỷ đồng.

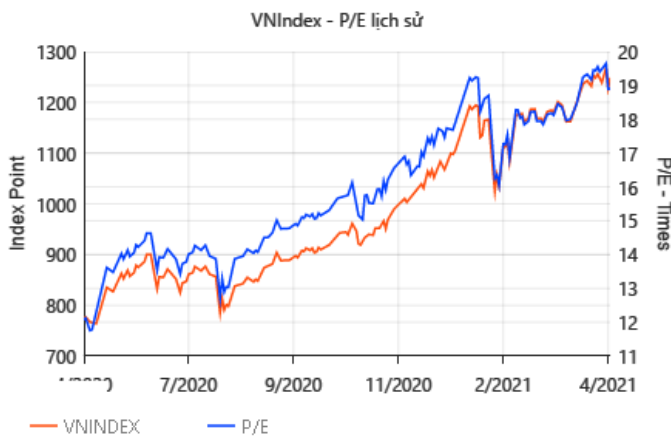
Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
VIC	111.04	VPB	202.32
VNM	96.54	VRE	108.46
VCB	71.88	VJC	50.14
STB	52.83	PLX	41.34
MSN	52.41	NVL	34.93



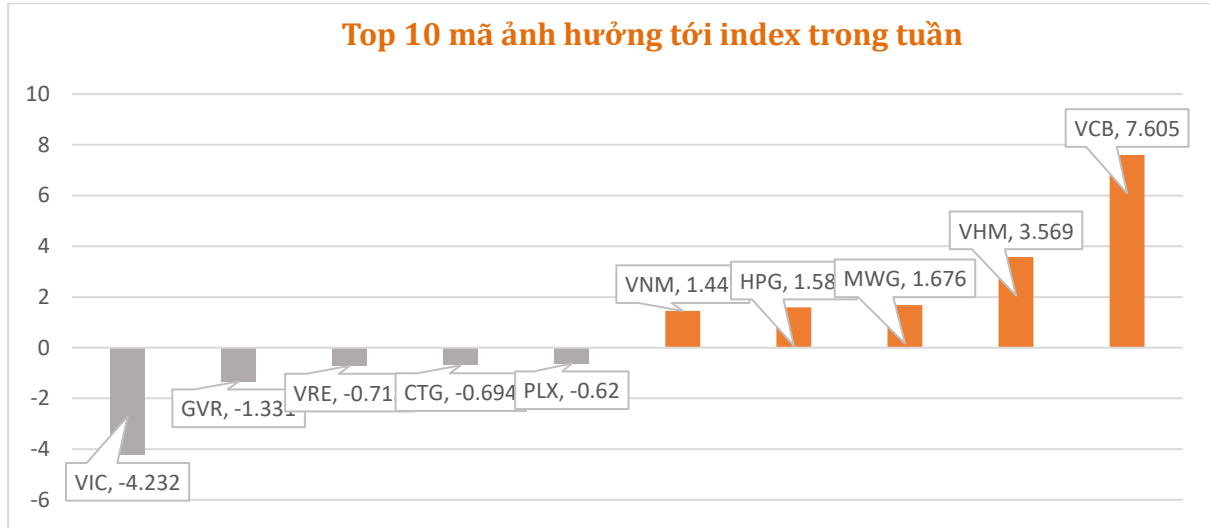
BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN



ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)

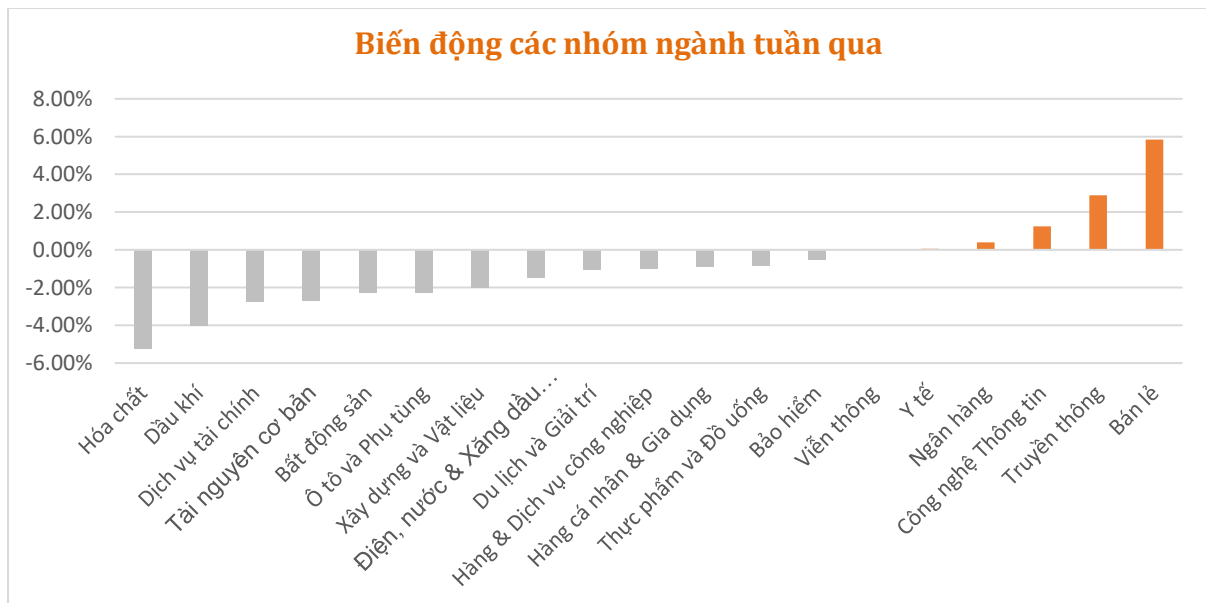


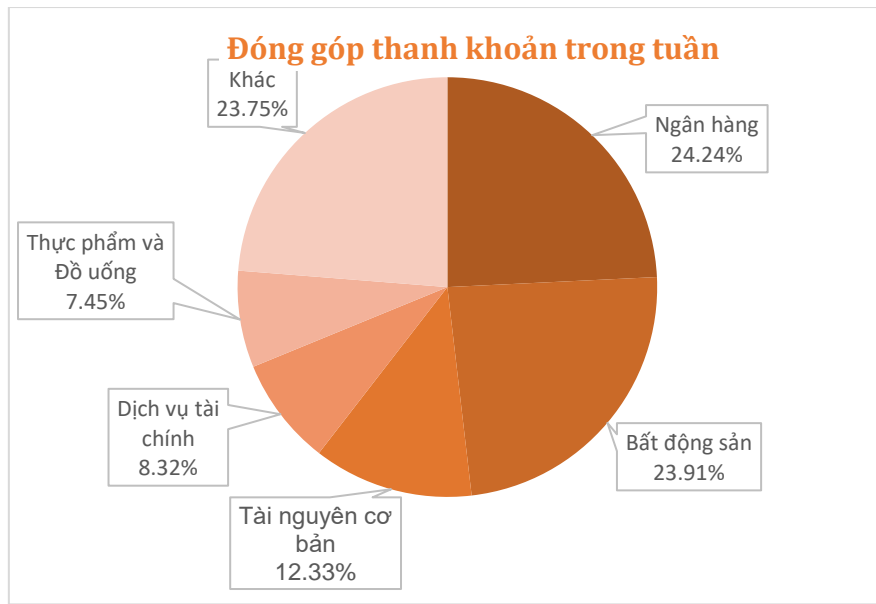
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/ KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
ROS	46.9	HPG	1,893.8	HMC	4.21x	SCG	59.0%	ACM	-25.0%
STB	34.9	VHM	1,062.9	POM	4.08x	HMC	25.3%	DLG	-24.8%
FLC	34.3	CTG	807.8	KDH	3.27x	VPG	24.9%	KSH	-24.0%
HPG	33.5	STB	773.2	VHM	2.98x	AMD	18.5%	VHG	-23.4%
HQC	28.5	SHB	721.7	ABS	2.90x	ABS	18.2%	VIG	-17.6%

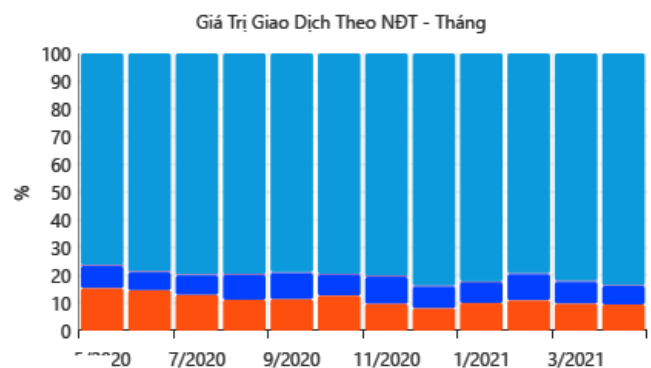
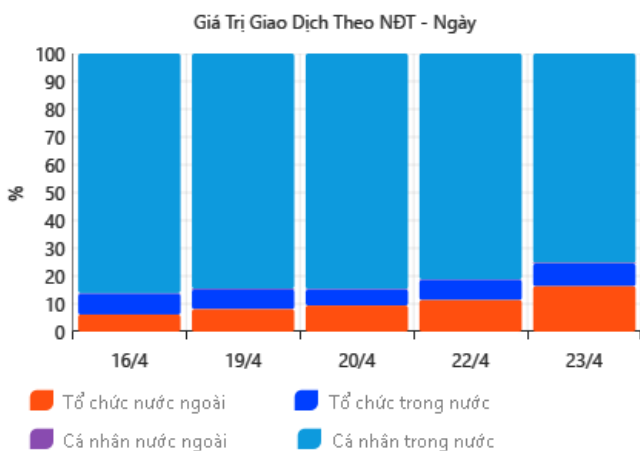
NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





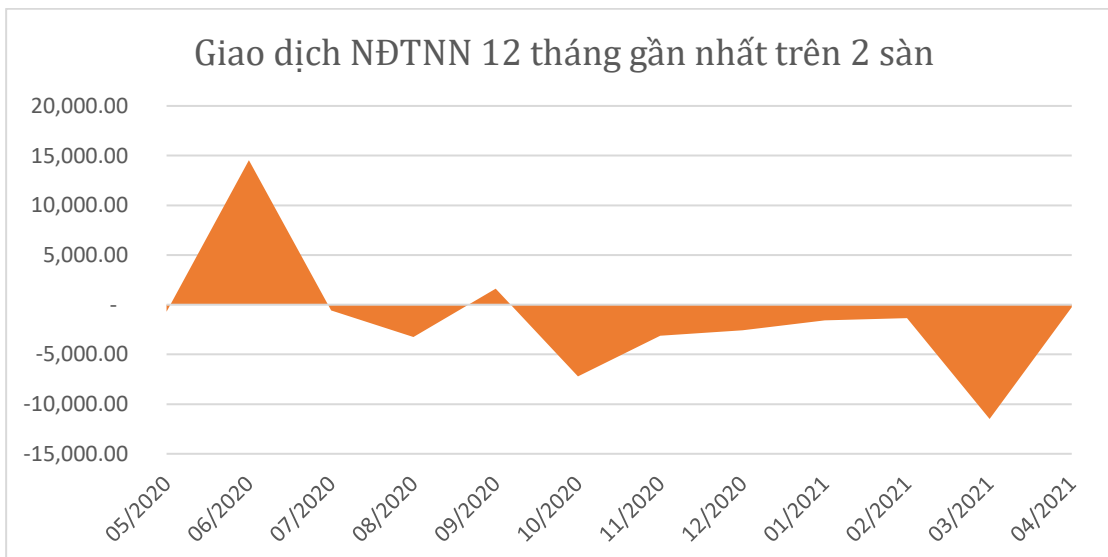
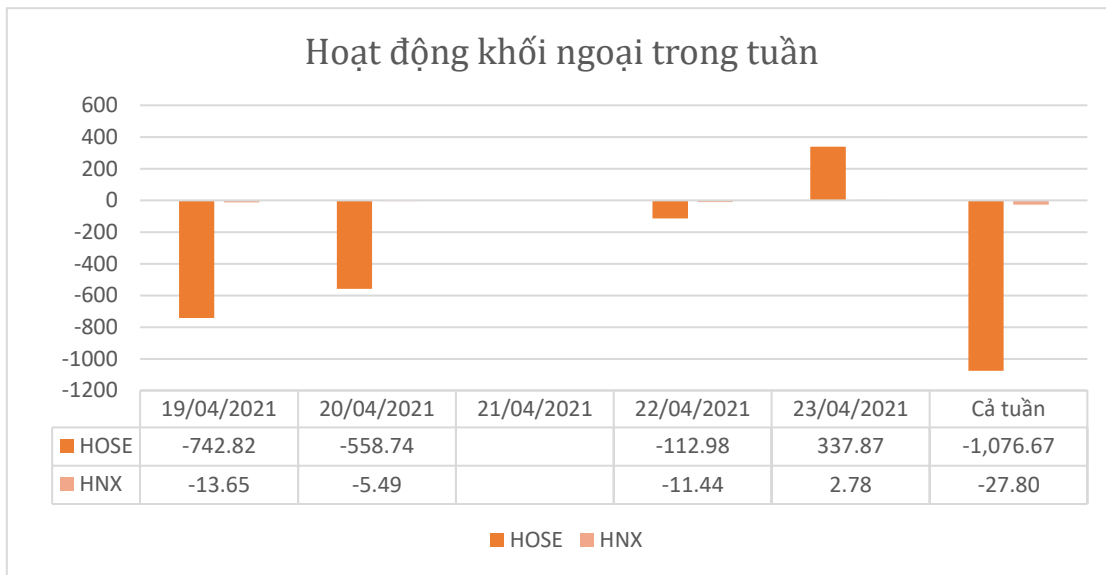
DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	3.30%	12,616.94	MWG	10.07%	4,865.82
VHM	3.96%	6,910.22	HPG	3.30%	2,608.30
CTG	-1.67%	6,110.59	VIC	-3.29%	1,850.26
STB	1.58%	5,466.63	VHM	3.96%	1,639.89
VPB	4.19%	3,798.54	VNM	2.68%	1,616.21



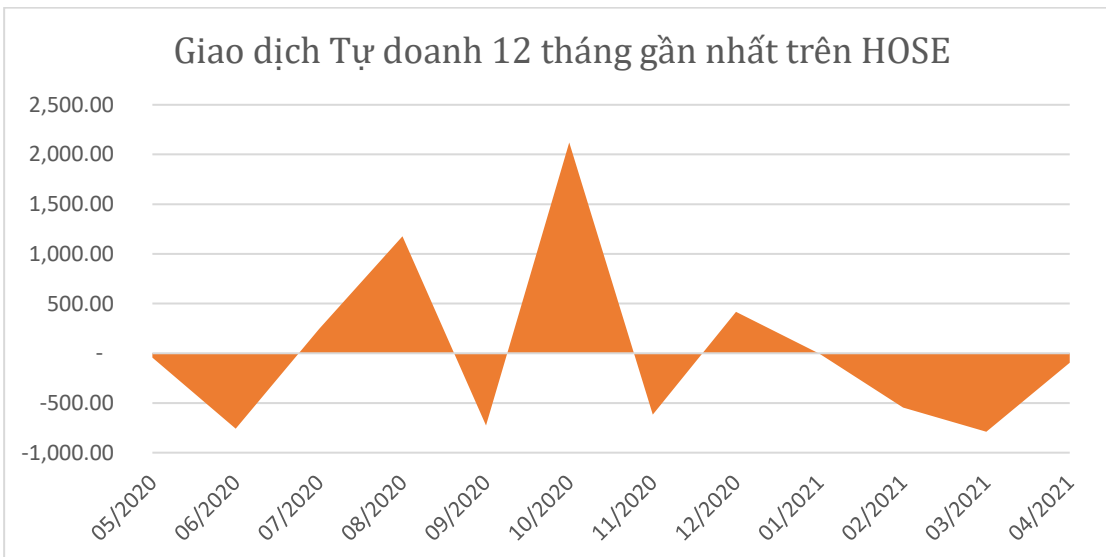
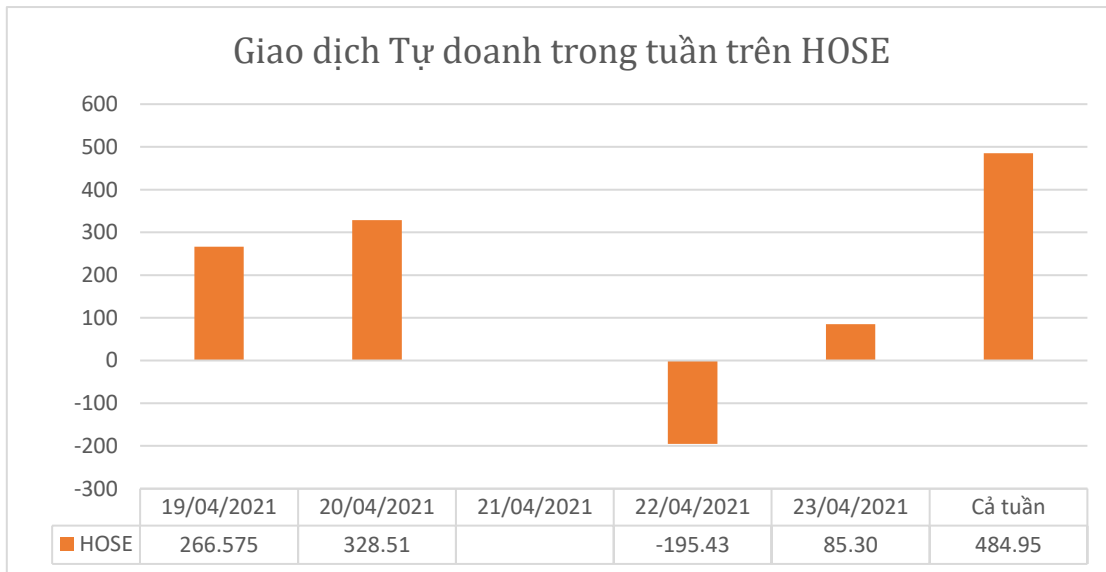
KHỐI NGOẠI

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
MWG	10.07%	694.93	VHM	3.96%	464.10
VIC	-3.29%	259.26	HPG	3.30%	446.84
MSN	-0.10%	170.87	VPB	4.19%	403.25
VCB	8.00%	114.69	VNM	2.68%	272.99
STB	1.58%	94.35	VRE	-3.39%	212.45



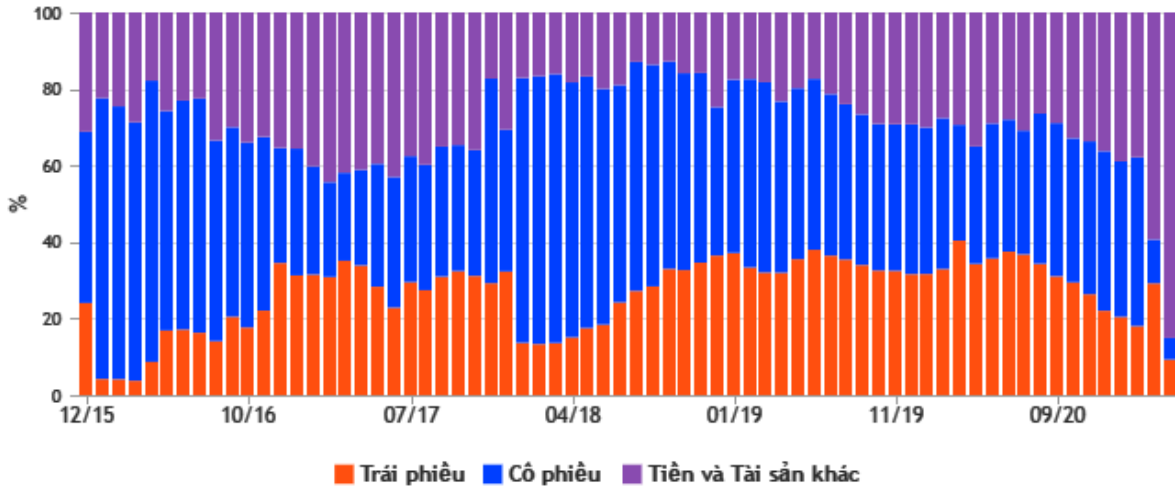
HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH CỦA CÁC CTCK TRÊN HOSE

Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VGC	1.52%	237.60	MWG	10.07%	178.20
VIC	-3.29%	155.24	HPG	3.30%	63.26
NVL	-0.93%	105.94	E1VFN30	2.33%	49.02
VPB	4.19%	76.66	GVR	-4.90%	43.81
TCB	0.12%	43.70	PLX	-3.41%	26.76

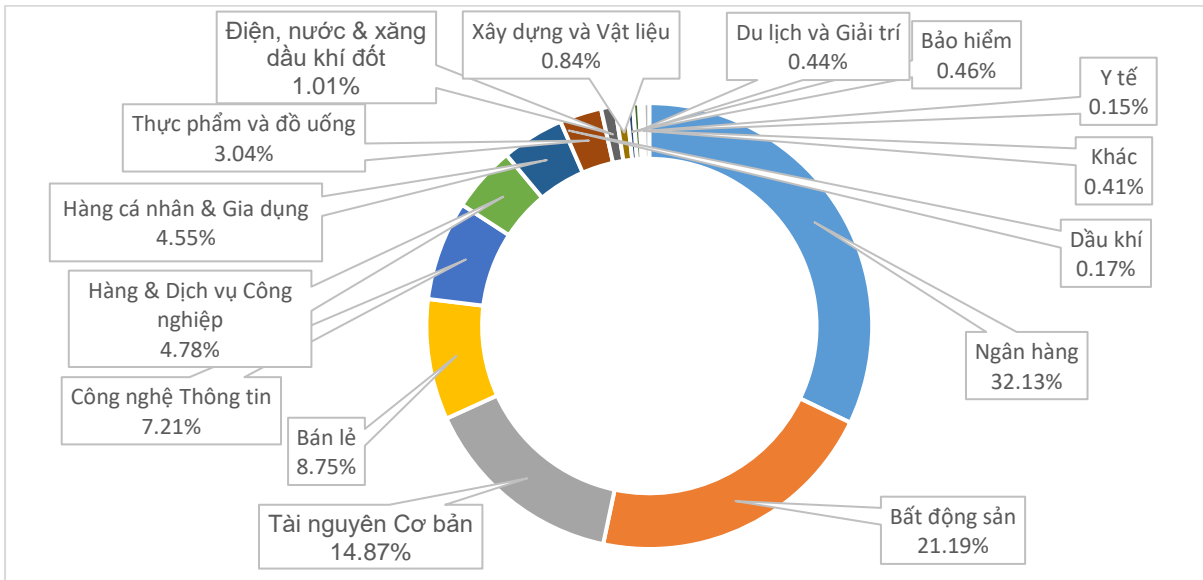


TỔ CHỨC (40 quỹ do finpro platform theo dõi)

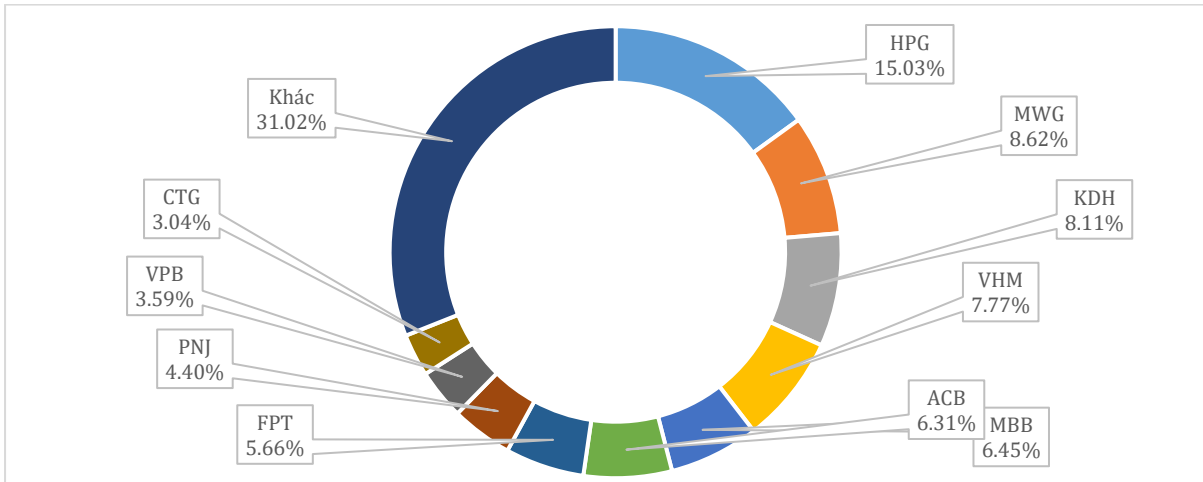
Phân bố tài sản



Phân bố các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất



LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày thực hiện
HMS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	26/04/21	27/04/21	26/04/21
LCM	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	26/04/21	27/04/21	26/04/21
EVG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			26/04/21
VJC	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	26/04/21	27/04/21	06/05/21
DHN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	26/04/21	27/04/21	26/04/21
MTG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	26/04/21	27/04/21	26/04/21
SRC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			26/04/21
BRC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			26/04/21
CQN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	26/04/21	27/04/21	26/04/21
GTD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	26/04/21	27/04/21	26/04/21
HMC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			26/04/21
PDR	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 1000:117)	26/04/21	27/04/21	26/04/21
HHP	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	26/04/21	27/04/21	26/04/21
SRC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			26/04/21
TNA	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	26/04/21	27/04/21	29/05/21
PLX	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			26/04/21
EIB	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2020 lần thứ 3			26/04/21
SCR	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020			26/04/21
LLM	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	26/04/21	27/04/21	26/04/21
ASG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			26/04/21
LEC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			26/04/21
SII	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			27/04/21
TTF	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			27/04/21
BMP	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			27/04/21
YEG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			27/04/21
HOT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			27/04/21
HAS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			27/04/21
PET	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			27/04/21
VGC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			27/04/21
HTI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			27/04/21
NHH	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			27/04/21
EBA	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	27/04/21	28/04/21	27/04/21
CSV	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			27/04/21
QHD	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	27/04/21	28/04/21	27/04/21
SED	HNX	trả cổ tức bằng tiền mặt (1.400 đ/cp)	27/04/21	28/04/21	18/05/21
VNG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			27/04/21

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày thực hiện
SHA	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			27/04/21
TTA	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			27/04/21
MBB	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			27/04/21
PRE	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	27/04/21	28/04/21	27/04/21
BBS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	27/04/21	28/04/21	27/04/21
FDC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	27/04/21	28/04/21	27/04/21
PDN	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			27/04/21
YEG	HSX	ĐHĐCĐ Thường niên năm 2021			27/04/21
CLW	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			27/04/21
EIB	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			27/04/21
CSV	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			27/04/21
POW	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			27/04/21
NSC	HNX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			27/04/21
D2D	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			27/04/21
VNL	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			27/04/21
BUD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	27/04/21	28/04/21	27/04/21
FDC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020	27/04/21	28/04/21	27/04/21
ELC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			27/04/21
CT3	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	27/04/21	28/04/21	27/04/21
FUEVFNVD	HSX	ĐH nhà đầu tư thường niên năm 2021 lần 2			27/04/21
HT1	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			27/04/21
SBV	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			27/04/21
DPM	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			27/04/21
ASP	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			28/04/21
DCH	Upcom	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, trả cổ tức bằng tiền mặt (200đ/cp)	28/04/21	29/04/21	28/04/21
CGV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	28/04/21	29/04/21	28/04/21
NAV	HSX	ĐHĐCĐ TN 2021, tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2020 (800 đ/cp)	28/04/21	29/04/21	20/05/21
TNB	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	28/04/21	29/04/21	21/06/21
CYC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	28/04/21	29/04/21	28/04/21
CVT	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	28/04/21	29/04/21	28/04/21
MCP	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	28/04/21	29/04/21	29/05/21
SAF	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3.000 đ/cp)	28/04/21	29/04/21	14/05/21
AGR	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	28/04/21	29/04/21	28/04/21
CPW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (172đ/cp)	28/04/21	29/04/21	12/05/21
RGC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	28/04/21	29/04/21	28/04/21
VSI	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	28/04/21	29/04/21	28/05/21

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày thực hiện
DRC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			28/04/21
KDH	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			28/04/21
KPF	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			28/04/21
NT2	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			28/04/21
OCB	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			28/04/21
ITC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			28/04/21
SKG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			28/04/21
ASM	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			28/04/21
ST8	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			28/04/21
PTC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			28/04/21
SAB	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			28/04/21
SC5	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			28/04/21
BKG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			28/04/21
MDG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			28/04/21
CRC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			28/04/21
VSI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			28/04/21
BFC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			28/04/21
VNS	HSX	ĐHĐCĐ Thường niên năm 2021			28/04/21
VRC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			28/04/21
TCL	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	29/04/21	04/05/21	29/04/21
IDI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			29/04/21
BBT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	29/04/21	04/05/21	29/04/21
IDI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			29/04/21
GSP	HSX	Chia cổ tức năm 2020 (1.500 đ/cp)	29/04/21	04/05/21	19/05/21
KSQ	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	29/04/21	04/05/21	29/04/21
HTN	HSX	Giao dịch 16.446.980 cp niêm yết bổ sung		20/04/21	29/04/21
SAS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020	29/04/21	04/05/21	29/04/21
FCC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	29/04/21	04/05/21	29/04/21
TMS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			29/04/21
VHM	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	29/04/21	04/05/21	29/04/21
PVT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	29/04/21	04/05/21	28/05/21
HEV	HNX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, trả cổ tức bằng tiền mặt (1.300 đ/cp)	29/04/21	04/05/21	18/05/21
VHC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			29/04/21
CE1	Upcom	Đại hội cổ đông thường niên năm 2021	29/04/21	04/05/21	29/04/21
VGT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020	29/04/21	04/05/21	29/04/21

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày thực hiện
IDI	HSX	ĐHĐCĐTN 2021			29/04/21
CBC	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	29/04/21	29/04/21	29/04/21
THI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			29/04/21
VCI	HSX	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2020 (2.000 đ/cp)	29/04/21	04/05/21	17/05/21
VIX	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	29/04/21	04/05/21	29/04/21
GEG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			29/04/21
LPB	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			29/04/21
LGL	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			29/04/21
LGC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			29/04/21
SVI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	29/04/21	04/05/21	02/06/21
AGM	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			29/04/21
DAT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			29/04/21
HVH	HSX	Giao dịch 15.000.000 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)		22/04/21	29/04/21
VIC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	29/04/21	04/05/21	29/04/21
PAC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			29/04/21
X77	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	29/04/21	04/05/21	29/04/21
TGG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			29/04/21
AGM	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			29/04/21
FSO	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	29/04/21	04/05/21	29/04/21

XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Khả quan	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém khả quan	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. IVS Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. IVS và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. IVS không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của IVS tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của IVS. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

IVS RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY				
Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@ivs.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@ivs.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@ivs.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@ivs.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@ivs.com.vn	709

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM	LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
 VIETNAM INVESTMENT SECURITIES COMPANY	Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073 Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999 Email: ivs@ivs.com.vn Website: www.ivs.com.vn	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower Điện thoại: (024) 35.730.073 Fax: (024) 35.730.088	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM Điện thoại: (028) 38.239.966 Fax: (028) 38.239.696